

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀO TẠO TƯ VẤN VIỆN TÀI CHÍNH HÀ NỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀO TẠO TƯ VẤN VIỆN TÀI CHÍNH HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA NOI FINANCIAL INSTITUTION CONSULTANT EDUCATION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HA NOI FICE., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108913245

3. Ngày thành lập: 23/09/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 26/2, ngõ 535 phố Kim Mã , Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0982072899

Fax:

Email: Congtyhanoisky@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: -Tư vấn du học; -Tư vấn giáo dục ; - Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên - Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục ; - Dịch vụ kiểm tra giáo dục - Tổ chức và liên kết tổ chức các khóa học ngắn hạn; - Dịch vụ về khoa học công nghệ. (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)	8560(Chính)
2.	Giáo dục mẫu giáo	8512
3.	Giáo dục nhà trẻ	8511

4.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ dạy kèm(gia sư); - Giáo dục và chăm sóc sức khỏe cho trẻ khuyết tật, tự kỷ ; - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính; - Đào tạo tự vệ.	8559
5.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
6.	Giáo dục tiểu học	8521
7.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
8.	Đào tạo đại học	8541
9.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
10.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
11.	Đào tạo cao đẳng	8533
12.	Đào tạo sơ cấp	8531
13.	Đào tạo thạc sỹ	8542
14.	Đào tạo tiến sỹ	8543
15.	Đào tạo trung cấp	8532
16.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
17.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
18.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
19.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
20.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
21.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý	4610

22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, nông nghiệp - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và các thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	4659
23.	Đại lý du lịch	7911
24.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: -Kinh doanh lữ hành nội địa; -Kinh doanh lữ hành quốc tế ; -Hoạt động hướng dẫn du lịch	7912
25.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
26.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
27.	Hoạt động quản lý nhà nước trong các lĩnh vực kinh tế chuyên ngành Chi tiết: Khách sạn và du lịch.	8413
28.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
29.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết : - Môi giới thuê tàu biển, máy bay, phương tiện vận tải bộ; - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan tới hậu cần	5229
31.	In ấn	1811
32.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
33.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
34.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao Chi tiết: - Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, (theo luật TDTT 2006)	9312

35.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: -Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định -Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt -Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi -Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng -Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô (Nghị định 86/2014/NĐ-CP)	4932
36.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
37.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn nước hoa, nước thơm, dầu thơm; - Bán buôn hàng mỹ phẩm: son, phấn, kem dưỡng da và trang điểm, mỹ phẩm dùng cho mắt...; - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
38.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
39.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
40.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.	8299
41.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức sự kiện, lễ hội đường phố, triển lãm (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim, ảnh).	8230
42.	Dịch vụ ăn uống khác (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ).	5629
43.	Xuất bản phần mềm	5820
44.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình	5911
45.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc (Loại trừ hoạt động xuất bản)	5920
46.	Lập trình máy vi tính	6201
47.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
48.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.	6209
49.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311

50.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
51.	Hoạt động thể thao khác Chi tiết: Hoạt động của các nhà đạo diễn hoặc các nhà tổ chức các sự kiện thể thao, có hoặc không có cơ sở	9319
52.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
53.	Hoạt động nhiếp ảnh (Loại trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
54.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
55.	Quảng cáo	7310
56.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
57.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Loại trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000
58.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: -Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giấy, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất, hàng hóa thời trang cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác ; -Dịch vụ thiết kế đồ thị; -Hoạt động trang trí nội thất.	7410

59.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn thiết kế và tư vấn giám sát các công trình dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, nông nghiệp và phát triển nông thôn, công trình ngầm, bưu chính viễn thông, công trình công cộng, công trình văn hóa, công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình phòng cháy chữa cháy, công trình quốc phòng an ninh; - Tư vấn quản lý dự án, lập dự án, lập dự toán, quyết toán công trình xây dựng và thẩm định hồ sơ kỹ thuật thi công và dự toán công trình xây dựng; - Tư vấn đấu thầu, lựa chọn nhà thầu cho các loại công trình, mua sắm thiết bị, vật tư xây dựng; - Thẩm tra thiết kế, dự toán các loại công trình; - Thiết kế quy hoạch xây dựng; kiến trúc nội ngoại thất công trình xây dựng; - Thiết kế cấp thoát nước, môi trường các công trình xây dựng; - Thiết kế hệ thống điện trong các công trình xây dựng; - Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí các công trình xây dựng; - Thiết kế hoàn thiện các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông và hạ tầng kỹ thuật; - Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn các công trình xây dựng; - Khảo sát các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông, hạ tầng kỹ thuật, thủy điện, nông nghiệp và phát triển nông thôn, công trình ngầm; - Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác (Nghị Định Số 59/2015 ND-CP	7110
60.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết:- Tư vấn, hướng dẫn trợ giúp hoạt động đối với người kinh doanh hoặc các dịch vụ cộng đồng	7020
61.	Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế Chi tiết: Tư vấn về thuế	6920
62.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
63.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
64.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	Số 82B đường Bạch Đằng, Phường Chương Dương, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	55.000	550.000.000	55,000	001200000509	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	55.000	550.000.000	55,000		
2	NGUYỄN THỊ CHUNG	Nhà số 8, tổ 17, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	30,000	090054889	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	30.000	300.000.000	30,000		

3	NGUYỄN HÙNG HẬU	Tổ 07, Phường Túc Duyên, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	150.000.000	15,000	090700886	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	15.000	150.000.000	15,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ CHUNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 28/04/1956

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 090054889

Ngày cấp: 11/03/2019

Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Nguyên

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Nhà số 8, tổ 17, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Nhà số 8, tổ 17, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội